

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày 25-5-2018

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải;

Ông Lâm Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chu Y – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1978. Có mặt

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Thanh T, sinh năm 1972. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27-3-2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị Đ trình bày: Bà và ông T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1996 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập bà và không chăm lo cho cuộc sống gia đình nên vợ chồng ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phan Thanh T.

- Về con chung: Bà và ông T có hai con chung tên Phan Thị Diệu Tn, sinh ngày 17-4-1997 và Phan Minh P, sinh ngày 20-02-2003, cháu P đang sống với bà,

còn cháu Tn đang học đại học. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu P, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Tn đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Đ trình bày không có nợ ai.

Bị đơn – ông Trương Thanh T đã khai: Về quan hệ hôn nhân ông thống nhất như bà Đ trình bày nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông nghi ngờ tình cảm của bà Đ nên ông thường xuyên uống rượu về nhà gây gổ làm cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù vợ chồng ly thân từ năm 2017 cho đến nay nhưng ông vẫn còn thương vợ, thương con nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ.

Về con chung: Ông và bà Đ có hai con chung tên Phan Thị Diệu Tn, sinh ngày 17-4-1997 và Phan Minh P, sinh ngày 20-02-2003, hiện cháu P đang sống với bà Đ, còn cháu Tn đang học đại học. Nếu ly hôn, ông đồng ý giao cháu P cho bà Đ nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Tn đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông và bà Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T trình bày không có nợ ai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo qui định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Kiểm sát viên chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trương Thị Đ đối với ông Phan Thanh T.

Về án phí: Buộc bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Bà Trương Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa bà Đ và ông Phan Thanh T, ông T có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh được quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết, ông Phan Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông T là đúng quy định.

[2]. Về hôn nhân: Bà Trương Thị Đ và ông Phan Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, bà Đ yêu cầu ly hôn nhưng ông T không chấp nhận. Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Đ và ông T chung sống từ năm 1996 và có đủ điều kiện kết hôn nhưng trong suốt thời gian chung sống cho đến nay bà Đ và ông T không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của bà Đ và ông T không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, ông T không chấp nhận ly hôn là không có cơ sở. Xét thấy cần áp dụng Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Trương Thị Đ và ông Phan Thanh T là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Bà Đ và ông T có hai con chung tên Phan Thị Diệu Tn, sinh ngày 17-4-1997 và Phan Minh P, sinh ngày 20-02-2003; cháu P đang sống với bà Đ từ ngày ly thân cho đến nay. Xét thấy bà Đ có đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục cháu P tốt, đảm bảo việc phát triển về thể chất, tinh thần cho cháu P và cháu P có nguyện vọng được sống chung với bà Đ nên giao cháu P cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với em Tn đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Bà Đ và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Bà Đ và ông T cam kết không có, không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà Trương Thị Đ phải chịu án phí theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Trương Thị Đ và ông Phan Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Minh P, sinh ngày 20-02-2003 cho bà Trương Thị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà Đ không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với Phan Thị Diệu Tn, sinh ngày 17-4-1997 đã thành niên, tự lao động nên không đặt ra giải quyết. Không ai được cản trở ông T thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Đ và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Đ và ông T trình bày không có, nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Trương Thị Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: 0021364 ngày 27-3-2018 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Ông T không phải chịu án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Trương Thị Đ có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Thanh T có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại UBND cấp xã nơi ông T cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu